TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN P** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21/6/2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN P, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Định.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Duy Tuấn.

2. Ông Nguyễn Bình Minh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Thào Thị Thu Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2022/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2022 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Ly Thị M**, sinh năm 1984; địa chỉ: Bản Loọng H1, xã Mường Ph, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên (*Có mặt*);

- Bị đơn: Ông **Cứ A H**, sinh năm 1980; địa chỉ: Bản Loọng H1, xã Mường Ph, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Phân trại số XY, Trại giam Thanh X - Cục CX - Bộ Công an, xã Mỹ H2, huyện Thanh O, thành phố Hà Nội (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Ly Thị Mảy trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ly Thị M và ông Cứ A H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 18/7/2016, tại UBND xã Mường Ph, huyện Điện B (Nay là thành phố Điện Biên P), tỉnh Điện Biên. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình vì không có sự hiểu nhau; ông H thường xuyên bỏ nhà đi lang thang, đua đòi bạn bè đi vào con đường nghiện ngập ma túy, bỏ bê công việc, không có trách nhiệm với gia đình. Mặc dù bà M cùng gia đình đã cố gắng

khuyên can nhưng ông H vẫn không thay đổi được. Đến ngày 09/4/2017, ông H bị bắt và bị kết án về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" và hiện đang chấp hành án tại trại giam Thanh X, xã Mỹ H2, huyện Thanh O, thành phố Hà Nội.

Vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không có hạnh phúc nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng bà M - ông H có 05 người con chung là Cứ Thị G, sinh ngày 30/10/2007; Cứ A Nh, sinh ngày 20/4/2009; Cứ Thị Ch, sinh ngày 08/8/2015; Cứ A K, sinh ngày 16/6/2017 và Cứ A M1, sinh ngày 16/6/2017. Bà M có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 05 người con chung; không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện cả 05 người con chung đang ở cùng với bà M, bà M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu đảm bảo cuộc sống, phát triển bình thường.

- Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 29/4/2022, ông Cứ A H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà M kết hôn trên tinh thần tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn lớn gì phát sinh. Ông H cho rằng, nguyên nhân bà M xin ly hôn là do ông vi phạm pháp luật, phải đi chấp hành án phạt tù nên không chăm lo được cho cuộc sống gia đình. Ông H bị bắt ngày 19/4/2017, về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*", bị xử phạt 08 năm tù, hiện nay ông đang chấp hành hình phạt tù tại phân trại số XY, trại giam Thanh X, xã Mỹ H2, huyện Thanh O, thành phố Hà Nội. Nay bà M xin ly hôn với ông, ông không đồng ý ly hôn vì các con vẫn còn nhỏ, ông cũng sắp chấp hành xong án phạt tù để trở về gia đình.

- Về con chung: Ông H và bà M có 05 người con chung là Cứ Thị G, sinh ngày 30/10/2007; Cứ A Nh, sinh ngày 20/4/2009; Cứ Thị Ch, sinh ngày 08/8/2015; Cứ A K, sinh ngày 16/6/2017 và Cứ A M1, sinh ngày 16/6/2017. Do ông H không muốn ly hôn nên không đưa ra quan điểm giải quyết về con chung, mà có đề nghị về con chung ông và bà M sẽ giải quyết sau khi ông H thi hành án xong trở về địa phương.

- Về tài sản và nợ: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, ông H đang chấp hành hình phạt tù tại phân trại số XY, trại giam Thanh X, huyện Quốc O, thành phố Hà Nội nên không thể tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như phiên tòa, do vậy ông đề nghị Tòa án cho ông được vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án trên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ về yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**]. Về tố tụng: Bà Ly Thị M có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên giải quyết ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông Cứ A H trước khi đi chấp hành án có địa chỉ tại xã Mường Ph, thành phố Điện Biên P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Cứ A H đang phải chấp hành hình phạt tù tại phân trại số XY, trại giam Thanh X, huyện Quốc O, thành phố Hà Nội không có mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[**2**]. Về nội dung yêu cầu của các đương sự:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà M và ông H được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Ph, thành phố Điện Biên P; khi đăng ký kết hôn, bà M và ông H đều đã trên 18 tuổi nên xác định, quan hệ hôn nhân của bà M và ông H là hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà M cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình vì không có sự hiểu nhau, ông H thường xuyên bỏ nhà đi, không có trách nhiệm với gia đình. Ông H nghiện ma túy và hiện đang phải chấp hành hình phạt tù tại phân trại số XY, trại giam Thanh X, huyện Quốc O, thành phố Hà Nội về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như phiên tòa, bà M vẫn kiên quyết xin được ly hôn với ông H.

Tại bản tự khai của ông H, ông không nhất trí ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà M vì cho rằng các con chung vẫn còn nhỏ, ông H cũng sắp chấp hành xong án phạt tù theo quy định.

Tại đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân của bà Ly Thị M được chính quyền địa phương, nơi bà M - ông H sinh sống trước khi ông H đi thi hành án phạt tù đã xác nhận: Bà M và ông H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Ph vào ngày 18/7/2016. Sau khi kết hôn, hai người cùng sống chung tại bản Lọng H1, xã Mường Ph, huyện Điện B (nay là thành phố Điện Biên P). Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình; ông H nghiện ma túy, gia đình đã động viên đi cai nghiện nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến

ngày 09/4/2017, ông H bị bắt và bị kết án về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*", hiện ông H đang chấp hành án tại trại giam Thanh X, xã Mỹ H2, huyện Thanh O, thành phố Hà Nội. Vợ chồng bà M - ông H có 05 người con chung. Hiện cả 05 người con chung đang ở cùng với bà M, bà M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu đảm bảo cuộc sống, các cháu phát triển bình thường.

Hội đồng xét xử thấy rằng, là vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, phải có thái độ tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống. Tuy nhiên, trước khi ông H bị bắt đi thi hành án, ông H và bà M đã không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân do các bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng xảy ra cãi vã, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau biểu hiện ông H thường xuyên bỏ nhà đi lang thang, không có trách nhiệm với gia đình. Ông H đi vào con đường nghiện ngập ma túy, mặc dù bà M cùng gia đình đã cố gắng khuyên can, động viên đi cai nghiện nhiều lần nhưng ông Hạng vẫn không thay đổi được. Mặc dù ông H không đồng ý ly hôn, nhưng trong đơn khởi kiện, cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà M khẳng định hiện tại bà không còn tình cảm với ông H do trước khi ông H bị bắt đi thi hành án, tình cảm vợ chồng đã không còn, bà M tha thiết đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông H. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, do vậy cần chấp nhận yêu cầu của bà M được ly hôn với ông H là phù hợp với thực tế và đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Bà M và ông H cùng thống nhất có 05 người con chung là Cứ Thị G, sinh ngày 30/10/2007, Cứ A Nh, sinh ngày 20/4/2009, Cứ Thị Ch, sinh ngày 08/8/2015, Cứ A K, sinh ngày 16/6/2017 và Cứ A M1, sinh ngày 16/6/2017. Hiện cả 05 người con chung đang ở cùng với bà M, bà M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu từ khi ông H đi chấp hành án cho tới nay, các cháu được bà chăm sóc nuôi dưỡng đảm bảo cuộc sống, phát triển bình thường.

Nguyện vọng của bà M là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 05 con chung, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung; ông H không đưa ra quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, ông H hiện đang trong thời gian chấp hành án. Xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải xuất phát từ việc xem xét hoàn cảnh và điều kiện thực tế để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, để các con được phát triển bình thường; cháu Cứ Thị G, cháu Cứ A Nh đã trên 07 tuổi và đều có nguyện vọng muốn được ở cùng với mẹ. Vì vậy, để thuận lợi cho sự phát triển tâm, sinh lý của các con, HĐXX xét thấy nguyện vọng nuôi con chung của bà Mảy là chính đáng, phù hợp với thực tế và nguyện vọng của các cháu, đảm bảo

lợi ích về mọi mặt của con chung, không làm ảnh hưởng đến việc sinh sống, học tập ổn định của con, không trái với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014, nên cần chấp nhận.

2.3. Về tài sản và nợ: Ông H, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[**3**]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bà Mảy phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, ông Hạng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 277, khoản 1 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 5, 8, 9, khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 và Điều 84, Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ly Thị M về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*", cụ thể:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ly Thị M được ly hôn với ông Cứ A H.

1.2. Về quan hệ con chung: Giao các con chung là Cứ Thị G - sinh ngày 30/10/2007, Cứ A Nh - sinh ngày 20/4/2009, Cứ Thị Ch - sinh ngày 08/8/2015, Cứ A K - sinh ngày 16/6/2017 và Cứ A M1 - sinh ngày 16/6/2017 cho bà Ly Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác; Bà M không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3. Về quan hệ tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

2. Về án phí: Bà Ly Thị M phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án

phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, tại biên lai thu tiền số 0001891 ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên. Bà Ly Thị M đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: Bà Ly Thị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/6/2022), ông H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

4. Thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND, TP.ĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS, TP. ĐBP;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Mường Ph, TP. ĐBP;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Đ